

---

**XIN LƯU Ý:  
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHẬP  
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.  
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM  
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.  
XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN.**

---

Kinh Đại Bát Niết Bàn - 17 Đại Thiện-Kiến Vương

<blockquote>Kalama tri ân bạn ngọc\_ngopham ghi chép.</blockquote>

[17/11/2022 - 08:26 - ngọc\_ngopham]

Chào quý vị.

Kỳ trước mình đã học đến chỗ Đức Phật viên tịch vào lúc rạng sáng. Có những chữ mình chỉ nghe nói chứ mình không biết “rạng sáng” Pali kêu là gì? ... paccūsa. Chứ còn không mình không biết, mình cứ nghe thế hệ trước nói thế hệ sau là Ngài Niết bàn lúc rạng sáng tiếng Pali kêu là gì.

Bốn mươi lăm năm trước, ngày mà Ngài thành Đạo, Ngài nhập Sơ thiền, ra Sơ thiền; nhập Nhị thiền, ra Nhị thiền, ... cứ như vậy lên tới Phi tướng Phi phi tướng rồi dùng Phi tướng phi phi tướng nhập vô Thiền diệt, ra Thiền diệt mới nhập lại Phi tướng phi phi tướng; Ra Phi tướng phi phi tướng mới nhập Vô sở hữu ngũ xứ; ra Vô sở hữu xứ mới nhập vô Thức vô biên; ra Thức vô biên nhập vô Hư không vô biên; ra Hư không vô biên nhập vô Ngũ thiền sắc giới... Cứ như vậy cho đến Sơ thiền sắc giới, ngược xuôi, xuôi ngược, gọi là Cửu đệ Thiền định - ... (tiếng Pali) cửu đệ đại định - tuần tự từ Sơ thiền đến Thiền diệt và ngược lại. Tổng cộng là hai triệu bốn trăm ngàn lần. Trong đời Ngài chỉ có hai lần như vậy thôi - lúc thành đạo và viên tịch bằng tất cả đề mục Thiền chỉ, có nghĩa từ các đề mục kasina, bất tịnh, thể trước, tử thi, bốn phạm trú, đề mục hơi thở. Kasina là xanh, vàng, đỏ, trắng, đất, nước, lửa, gió, hư không, ánh sáng. Tổng cộng ngược xuôi là hai triệu bốn trăm ngàn lần. Xong rồi, Ngài mới Niết bàn. Lúc đó là buổi rạng sáng.

Lúc bấy giờ, Ngài Maha Kassapa đang trên đường đi từ ... đến Kusinàra. Đang đi, Ngài nhìn thấy một ông ngoại đạo, tay cầm một hoa trời rất đẹp - hoa Mandarava. Ngài suy nghĩ rất nhanh, mình đọc bằng chữ thấy rất là chậm nhưng dĩ nhiên phải hiểu suy nghĩ rất là nhanh - tôi phải nhấn mạnh chỗ này vì nếu tôi kể nguyên văn bà con nghe rất là kỳ. Lúc đó Ngài suy nghĩ nhanh là hoa này chỉ có khi Bồ tát đản sanh, thành Đạo, niết bàn, v.v những đại sự nhân duyên. Hôm nay không phải Đản sanh, Thành Đạo, Chuyển pháp luân, vậy rõ ràng là Niết bàn rồi. Nguyên văn trong Kinh: (tiếng Pali) - Bạc Đạo sư của ta đã quá lớn tuổi, như vậy Ngài đã tịch rồi chẳng? Ngài mới đi hỏi ông này. Trong chú giải có hỏi Ngài là một bậc Đại Thần thông, Đại Thánh trí mà lý nào Ngài không biết mà Ngài hỏi. Đây là lẽ thường, mình không có thần thông nên cứ tưởng ăn rồi cứ dùng thần thông làm hết chuyện này đến chuyện kia. Đối với một vị A-la-hán, họ không tha thiết chuyện sử dụng thần thông. Trong đây nói rằng Đại nguyện của Ngài Ca Diếp giống một vị Chánh Đẳng Giác ở chỗ Ngài có tâm nguyện Ngài dùng hết thời gian kể từ khi thành Thánh nhân, đấng A-la-hán là để phục vụ chúng sinh. Đối tượng Ngài thường xuyên suy tư là chúng sinh, người nghèo khổ. Ngài làm gì cũng nghĩ làm sao cho chúng sinh được công đức này, được công đức kia từ mình. Trong tâm tư của Ngài, Ngài không phải là vị Thánh, là Người có thiền định rồi dùng những gì mình có. Ngài tâm tư chỉ để suy tưởng chúng sinh và làm gì cho lợi ích chúng sinh. Sáng khát thực vô những xóm nghèo, chiều xả thiền, thuyết pháp, dạy Đạo cho người này người kia. Trong đây nói rất dài dòng chuyện đó. Ngài không dùng thần thông để làm chuyện này chuyện kia ngoài chuyện độ sinh. Cái thứ hai,

trước mắt thấy, tiện thì hỏi vậy thôi chứ còn Ngài muốn biết chỉ cần trong tích tắc. Nhân chỗ này tôi muốn nói thêm cái Đại hạnh, bản hoài đặc biệt của Maha Ca Diếp. Nhớ nha.

Ngài mới hỏi ông, ông nói: Sa môn Gotama tịch rồi.

Lúc đó những vị chưa chứng Bất lai trở lên nghe vậy chảy nước mắt, có vị khóc ra tiếng.

Sẵn ở đây tôi dừng lại một chút. Quý vị bây giờ chỉ biết Phật qua Kinh điển, quý vị không có thương đau. Người tận mặt gặp Ngài, giọng nói, ánh mắt, sở hành của Ngài. Có nghĩa ai Ngài cũng thương; tất cả vấn đề nào đến với Ngài lập tức có câu trả lời, phải có giải pháp. Chỉ là mình có duyên gặp Ngài hay không, gặp Ngài rồi mình tin chắc chắn Ngài tin mình vô bờ bến. Cha mẹ có lúc thương, có lúc giận, có lúc đánh mình đau. Nhưng Chư Phật thì không, Chư Phật không làm ai đau, không làm cho ai buồn hết. Ba má có lúc buồn ngủ, có lúc bệnh quá nên thờ ơ trong trách nhiệm với con. Nhưng Chư Phật thì không, Chư Phật không có chuyện lúc đau lúc mạnh rồi tâm tư khác. Chư Phật không bao giờ có chuyện đó. Chư Phật không có chuyện cơ thể lúc vậy nghĩ khác, lúc khỏe nghĩ khác, lúc vui nghĩ khác, lúc buồn nghĩ khác, Chư Phật không có. A-la-hán, Thinh Văn buồn vui không còn, đúng. Nhưng có những vị không có bản hoài độ chúng, hoằng hóa. Nhiều vị không có tha thiết, chỉ muốn rúc vào thâm sơn ẩn xứ để nhàn tịnh độc cư, hiện tại lạc trú. Nhưng Chư Phật Chánh Đẳng Giác thì không; gặp Ngài, nghe giọng nói, nhìn ánh mắt, sở hành của Ngài. Người gặp một lần, một đời không quên.

Tôi nhắc lại. Thương mình nhất đời là Mẹ, vậy nhưng có lúc Mẹ thương ít, thương nhiều, có lúc Mẹ giận, có lúc Mẹ thương, có lúc Mẹ đánh, có lúc Mẹ xoa. Nhưng mà Phật thì không, lúc nào cũng Đại Bi hết. Nên người đã gặp Ngài rồi, họ chỉ nhớ hai chuyện họ đủ khóc. Thứ nhất, đó là một con Người, mình có chuyện gì cần giúp Người đó làm liền. Thứ hai, cái rắc rối nào trong đời này tới được con Người đó thì lớn hóa nhỏ, nhỏ hóa không. Ấy vậy mà kể từ hôm nay con Người đó, Người thương mình như vậy, không còn nữa. Người có thể hóa giải mọi vấn đề gút mắc của cuộc đời, không còn nữa.

Trong Kinh nói: Pháp nhân đã biến mất ở đời. Thiện Thệ đã viên tịch. Thế Tôn đã không còn nữa.

Họ nghĩ vậy mà họ khóc.

Ấy vậy mà trong đoàn đại chúng, năm trăm vị Tỳ kheo, có một vị Tỳ kheo già Subhadda. Ở đây chúng ta phải nhớ rằng, cuối đời Đức Phật có hai vị Tỳ kheo trùng tên nhau.

Một vị là Subhadda du sĩ đến gặp Thế Tôn lần cuối cùng trong đêm Ngài viên tịch, lập tức ngay trong đêm Thọ Đại giới, chứng quả A-la-hán, Lục Thông Tam Minh, Tứ Tuệ Phân Tích.

Trong Kinh gọi Ngài là Pacchima Buddha Vinaya. Tại sao có chữ dài như vậy?

Bởi vì Thinh Văn có hai hạng. Hạng thứ nhất gọi là Sāvaka vinaya tức là có duyên với một Thánh Thinh văn nào đó. Hạng thứ hai là Buddha vinaya là có duyên chứng Đạo với Phật, chỉ có Phật mới độ được người này.

Vị Subhadda du sĩ này là vị cuối cùng gọi là Pacchima Buddha Vinaya - là vị chỉ có duyên với Phật thôi, Phật độ mới đắc thôi. Vị này là đời cuối cùng.

Và vị thứ hai là vị Tỳ kheo già Subhadda đi chung trong nhóm của Ngài Maha Kassapa - Đệ Nhất Đầu Đà. Vị này khi nghe tin Phật tịch, vị này vui và nói “tại sao phải khóc? Kể từ đây về sau, Chư Tăng khỏe rồi, không ai la rầy nữa. Tu phải thoải mái thanh thản chứ có đâu đằng đằng, la rầy, ngán quá”.

Trong chú giải có nói tại sao vị này có thái độ đó. Bởi vì cách đây cũng hơi lâu lâu, ông Subhadda già này là một ông thợ hớt tóc có hai đứa con trai cũng đi tu - tổng cộng là ba cha con. Trước khi xuất gia, cả ba người đều là thợ hớt tóc.

Tiếng Pali nahāpita là thợ hớt tóc, chữ này có nghĩa gốc hay lắm, là người hầu tắm. Người hầu tắm là sao? Hồi xưa, mấy người có tiền, không tự cạo râu tóc và thuê người khác làm. Người này cạo râu tóc xong còn là người kỳ cọ tắm rửa cho mình - đó là cái nghĩa gốc. Lâu ngày chuyện hầu tắm từ từ mất dần chỉ còn hớt tóc nhưng người ta vẫn kêu là nahāpita. Nhớ nha tiếng Pali nahāpeti có nghĩa là tắm rửa.

Ba cha còn đều là thợ hớt tóc và sau đó đi xuất gia. Có một lần họ nghe tin Đức Thế Tôn và Đại chúng Tỳ kheo sắp đi đến thành phố chỗ ba cha con đang ở, lúc đó ba người đi xuất gia rồi.

Người bố - ông sư bố, thích quá và thông báo với mọi người: “Tôi sẽ tổ chức một buổi Trai tăng cúng dường cho Đức Thế Tôn và Đại chúng nhưng tôi không có tiền. Nghề cũ của ba cha con tôi là hớt tóc, trong thời gian mấy ngày tới ai có nhu cầu cạo râu, hớt tóc, ba cha con tôi sẽ làm hết. Bà con trả công bằng cách trả bằng tiền, thực phẩm, hùn hạp được gì thì hùn để tổ chức một buổi Trai tăng cúng dường cho Thế Tôn”.

Các vị nghe và phải biết rằng, nếu chuyện đó xảy ra vào thời này - ba vị Sư là một cha hai con, nghe tin một Vị Đại Trưởng lão Thiên sư cao tăng, danh tăng tới rồi ba cha con quyết góp tiền bạc bằng cách dùng lại nghề cũ trước khi xuất gia để quyên tiền tổ chức Đại lễ trai tăng. Tôi nghĩ chỉ cần Vị này loang tin lên facebook, rồi người like nhiều lắm, rồi hùn hạp, cúng dường bởi vì là thời mạt pháp.

Thời của Đức Phật chuyện đó không được vì trong Luật có ghi rõ. Có một vị Tỳ kheo trước khi đi xuất gia là đầu bếp. Khi xuất gia rồi, do quá thương Phật nên có nấu một bữa ăn thật là ngon rồi chờ Đức Phật đi ngang cốc của mình, ra quỳ xuống để dâng bát cho Đức Phật món ăn đó. Đức Phật quở, Ngài nói: “Không. Ta là Phật nhưng cũng là một Tỳ kheo- người ăn xin, người cũng là một Tỳ kheo. Không có lý nào một vị Tỳ kheo ... lại đi quyên góp thức ăn còn sống, nấu nướng, nhóm lửa để qua đêm rồi để bát cho Như Lai. Không có chuyện một vị Tỳ kheo này nấu ăn rồi để bát cho một vị Tỳ kheo khác.

Hôm nay cũng vậy. Khi ba cha con ông Subhadda đi quyên tiền bằng cách hớt tóc, cạo râu cho thiên hạ trong thành phố trong suốt mấy ngày trời. Minh nghe thấy thương thiết nhưng khi Đức Phật đến và nghe được câu chuyện đó, Ngài quở: “Không thể nào những Sa môn ... lại đi làm những chuyện thế này. Nếu hôm nay chuyện này làm được, lúc khác xảy ra những chuyện còn tệ hơn nữa. Không được.” Cho nên Đức Thế Tôn từ chối món ăn đó và tiếp tục ôm bát xin từng nhà, có khoai ăn khoai, có chuối ăn chuối, có bánh ăn bánh. Ngài không ăn những món thịnh soạn được chuẩn bị theo cách đó. Thế là ông Subhadda từ đó mang lòng oán hận Ngài. Ông vừa mất mặt với bà con, vừa tủi hổ, tự ái... “ba cha con mình bỏ công, cực khổ bao ngày vậy mà Thế Tôn lại la mình như vậy. Mặt mũi mình muốn giấu vào đâu.”, ông giận và tránh mặt Ngài luôn. Nhưng ông vẫn đi theo nhóm của Ngài Maha Kassapa. Khi nghe mà Ngài tịch rồi, là lúc ông trút ra niềm uất hận, niềm ác cảm ông giấu lâu nay. Ông thấy mọi người khóc nhiều quá, ông ra nói thiết.

Trong chú giải có ghi rõ, khi mà ông nói câu đó ...(tiếng Pali), Ngài Maha Kassapa - một vị A-la-hán không còn ở trong sân, không có sự bức mình, khó chịu, bất mãn, hờn giận. Nhưng câu nói đó đối với Ngài có một tác động sinh lý, không phải tâm lý. Ngài nghe như vậy, giống như là ai đó lấy nắm tay đâm vào tim của Ngài hoặc giống như sét đánh vào lỗ tai trên đầu Ngài. Ngài khởi lên một tâm xúc động. Minh xúc động do tình cảm thương, ghét, hờn giận còn Ngài xúc động do nghĩ đến Chánh pháp. “Đức Thế Tôn vừa Niết bàn có bảy hôm, cho đến hôm nay Kim Thân Phật còn quán ở đó ...(tiếng Pali). Phật Pháp mà Đức Thế Tôn khổ công gây dựng ra hôm nay đã có chương ngại rồi. Nếu mình không ngăn chặn để cho nó phát triển nữa, những người như thế này sẽ phá Đạo đi.” Ngài nghĩ như vậy và bắt đầu chớm ý Kiết tập sau này.

Ở đây chúng ta đọc trong Chánh Kinh một chút, Tôi chú giải cho bà con nghe chỗ nào không có trong Chánh Tạng thôi.

Các vị, lúc đó, đi bộ tiếp, đặc biệt Ngài không dùng thần thông. Tôi nhắc lại chuyện tôi đã nói. Minh, tham sân si còn một núi. Không có thiên định, không có thần thông. Thậm chí thiên định còn chưa có nổi hỷ lạc, kể có người không. Nên mình nghe nói thần thông, thiên định mình nghe mình nói có xài cho đã. Nhưng đối với một vị có rồi, tôi ví dụ cho các vị nghe thôi. Cũng như một người nhà giàu, cái gì họ cũng có, nhiều khi mình thấy họ đi bộ ngoài làng mình ngạc nhiên. “Ông này có tám chiếc xe hơi Roll Royce. Tại sao ông đi bộ vậy?” Nếu bà con đi bên Thụy Sĩ, chuyện một ông triệu phú đi xe đạp là chuyện bình thường, ông đi tập thể thao đó. Còn mình nghèo, mình mơ có một chiếc Mercedes, Lexus... chạy cho đã. Nhưng ông nhà giàu thì chán rồi, thích đi bộ cho khỏe. Ngài cái gì cũng có rồi, thiên định, thần thông cái gì cũng có nhưng Ngài đi bộ. Ngài đi cùng với các Tỳ kheo.

Trong chú giải có nói thế này. Bữa trước tôi có kể chuyện thế này. Trước khi Đức Phật viên tịch, Ngài nhập vô Thiên diệt, không còn dấu hiệu hơi thở. Ngài Ananda hỏi Ngài Anuruddha: “Đức Thế

Tôn đã viên tịch chưa?”. Ngài Anuruddha trả lời: “Chưa, Thế Tôn mới nhập Thiền diệt. Xuất khỏi Thiền diệt Ngài mới nhập trở lại Thiền vô sắc, sau đó Thiền sắc. Tổng cộng nhiều lần như vậy Ngài mới viên tịch.”

Tới khi Ngài viên tịch rồi, khi quả Địa cầu rung động rồi, Chư Thiên Phạm Thiên xác nhận mỗi người đọc một bài kệ tiếc thương.

Có một điểm này nếu đọc thờ ơ mình không thấy, điểm rất là đẹp, rất là sâu.

Đó là ngay khi Thế Tôn còn, khi Ngài chưa viên tịch, Ngài Ananda hỏi: “Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ lo lắng hậu sự đối với Kim Thân của Thế Tôn như thế nào?”

Chuyện đầu tiên Ngài nói: “Ananda đừng có lo. Chuyện đó hãy để cho cư sĩ làm, trách nhiệm của các người chỉ có ba mươi bảy Phẩm trợ đạo, ba mươi bảy Pháp bồ đề, tu tập tam học thôi.” Đó là điểm đáng lưu ý.

Khi Ngài Ananda hỏi thêm: “Dạ đúng, chúng con biết chúng con sẽ không ra tay trực tiếp. Nhưng người khác, cư sĩ sẽ làm thế nào để tống chung (khâm liệm)?”

Ngài trả lời: “Đối với Vua Chuyển Luân Vương như thế nào, Vị Chánh Đẳng Giác cũng nên làm như vậy để gieo công đức cho người sau.”

Thế là dòng họ vua chúa Mallà kéo tới lũ lượt. Trong đó có một cô đến, cô nhìn thấy bông hoa như đặng, bột trầm rải thơm phức, đèn hoa sáng choang. Cô thấy Kim báu thân của Đức Thế Tôn rực rỡ, cô cũng cúng dường trong đó và nguyện một điều, tôi nghĩ đặc biệt trong room này những ai là phụ nữ nên bắt chước nguyện giống cô. Cô ấy cũng ham đẹp nhưng nguyện kiểu này: “Bạch Thế Tôn, con hoan hỷ quá. Con nhìn thấy Kim Thân Thế Tôn được Chư Thiên, nhân loại cúng dường thế này. Con còn thích đẹp, nên con nguyện đời đời con sanh ra trong vòng sanh tử cho đến bao giờ con chưa được đẹp lại thì con không cần trang điểm.” Nguyện vậy mới ghé chữ “con thích đẹp nhưng con không thích trang điểm, con xin sanh ra tự nhiên có sẵn như vậy. Tức là đẹp như có trang điểm.”

Tôi thấy cũng hay...

Lúc bấy giờ dòng họ Mallà tính di quan - di chuyển Kim quan của Đức Thế Tôn về hướng nam của Thành Kushinara làm lễ Trà tỳ hỏa táng nhưng không có xe dịch được. Mọi người hỏi Ngài Anuruddha tại sao. Ngài trả lời do Chư Thiên muốn không hỏa thiêu ở cửa nam mà hỏa thiêu ở cửa đông. Sau đó họ di chuyển Kim quan của Ngài về phía Đông, châm lửa lửa không cháy. Họ lại hỏi Ngài Anuruddha lần nữa tại sao lửa không cháy. Ngài Anuruddha trả lời, Chư Thiên chủ ý đợi Tôn giả Maha Kassapa, Ngài cách đây không xa nhưng do Ngài đi bộ. Chư Thiên muốn chờ Ngài về mới châm hỏa.

Trong chú giải có nói thêm tại sao Chư Thiên muốn gì mà kỳ cục vậy? Bởi vì có rất đông Chư Thiên trước đây là cư sĩ học trò của Ngài Maha Kassapa, học trò của Ngài Xá Lợi Phất, học trò của Ngài Mục Kiền Liên, Ngài Ananda, Ngài Maha..., v.v. Đặc biệt trong buổi Đại lễ Trà tỳ Kim báu thân của Thế Tôn có các vị Trời là đệ tử ruột của Ngài Maha Kassapa. Họ quan sát thấy Chư Tăng về đông qua, đọc đến đây phải nổi da gà. Có những vị về bằng thần thông, về bằng đi bộ. Bữa đó coi như Tăng long ngọa hổ, Chư Thiên trong bán kính mười hai do tuần không có một chỗ trống để xăm cây kim. Trong Kinh nói giống như bột nén trong cái ống sậy. Còn Chư Tăng, những vị Đại thần từ núi non, rừng thẳm, biển cả, hoang đảo tập trung về hết. Chư Thiên - mấy vị học trò của Ngài Maha Kassapa, quan sát không thấy Sư phụ, họ mới hỏi nhau Sư phụ của mình đâu rồi.

Tôi kiểm chỗ Pali cho vui...(tiếng Pali): Ý của Chư Thiên làm sao? Đây là những học trò cũ của Ngài ngày xưa, họ thương Ngài lắm, nhờ đó họ sanh về Trời. Hôm nay trong Đại lễ đông đúc này, họ không thấy Ngài đâu hết. Họ suy xét xem Sư phụ đang ở đâu? Họ thấy rằng Ngài đang đi trên đường. Họ bèn chú nguyện rằng cho đến bao giờ Sư phụ chưa về đánh lễ Kim quan, xin hỏa đài đừng phát lửa. Ngài Anuruddha biết được chuyện đó. Cho nên Ngài mới nói cho mọi người nghe, thế là cả Đại chúng đứng xuống đường chờ phái đoàn năm trăm vị xuất hiện. Lúc bấy giờ Ngài Maha Kassapa đến nơi. Ngài đi nhiều vòng quanh Kim quan của Thế Tôn. Ngài quan sát và xác định đây là phần trên, đây là phần chân. Ngài đứng kế bên chân của Thế Tôn, Ngài nhập Thiền và chú nguyện. Ngài mong rằng Kim quan của Thế Tôn tự tách ra để cho phát lộ đôi chân của Thế Tôn.

Khi Ngài chú nguyện như vậy xong, các vị nhớ Kim Thân của Thế Tôn được quán năm trăm lớp vải trắng và được đặt vào trong một hòm sắt đựng đầy dầu. Cái hòm sắt này được đặt trong một cái hòm sắt khác và được đặt trên một hỏa đài toàn bằng trầm hương 100 phần trăm. Nói theo từ Việt nam là gỗ trầm hương loại 1.

Khi Ngài Maha Kassapa chú nguyện như vậy, từ năm trăm lớp vải như có ai cắt ra, bàn chân của Thế Tôn tách ra, cái hòm đựng dầu như có ai tách ra. Nghĩa là từ năm trăm lớp vải, lớp hòm dầu thứ nhất, lớp hòm thứ hai tách ra. Mọi người đều nhìn thấy, nói thật đọc đến chỗ này cổ của tôi bị nghẹn,... (tiếng Pali) Tôn Giả Maha Ca Diếp đưa bàn tay ra nắm chặt hai mắt cá của Thế Tôn, đặt cái đầu của mình vào đó và đánh lễ.

Khiếp như vậy, đọc đến đây phải nổi da gà... Động trời như vậy.

Sau khi Ngài đánh lễ xong, trong đây nói rõ thế này, ...(tiếng Pali): khi Kim quan tách ra sau đó đóng lại, một giọt dầu cũng không chảy ra ngoài. Tất cả trở lại tình trạng như cũ. Khi Đại chúng nhìn thấy cảnh đó, đồng loạt khóc, khóc lớn thành tiếng một lúc như vậy.

Thấy cảnh kinh hoàng quá, cảnh Kim quan tách ra như vậy. Các vị có quyền không tin, coi như chuyện phong thần. Nhưng mà tôi có cái phước lớn, tôi đọc đến đây tôi nghẹn ngào.

Xong rồi, lửa bắt đầu cháy, cháy tự nhiên.

Lửa Chư Thiên hỏa đài phát cháy,

Không rã tan quả ấy nhiệm màu.

Lại còn Xá Lợi đủ màu

Chia ra ba cỡ khác nhau cân lường:

Chùng năm cân chi bằng hột đậu,

Ánh chiếu ngời huỳnh ngọc kim cương.

Cỡ hai đồng chạn khác thường

Lớn bằng hột thóc đã lường sáu cân,

Pha ly màu sáng trong ngần

Thủy xoàn ngọc quý trong trần nào hơn.

Cỡ hai hột cải trọng tròn,

Ba cân ngọc điệp trắng ngần như hoa

Phạm Thiên thượng giới một tòa,

Xương vai bên tả cùng là Tam y.

33:12

[24/11/2022 - 03:10 - ngọc\_ngopham]

Khi mà Xá lợi Đức Phật sau khi thiêu rồi tự động chia ra thành nhiều phần. Những vị Phật sống lâu, Xá lợi gom thành một khối. Nhưng riêng Đức Phật mình, tôi giảng đến đây tôi vẫn còn xúc động, xương của Ngài được chia thành bảy phần. Trong đó có những phần như xương trán, xương vai hoặc những mảnh lớn, bốn răng nanh còn nguyên vẹn - trên hai, dưới hai còn nguyên. Chúng ta biết là một cái thờ ở Tích Lan, một cái thờ ở Long cung, một cái thờ ở Đạo Lợi, một cái thờ ở xứ .... Xương răng bên trái nằm trên Phạm Thiên, mấy chỗ kia chia đều ra hết.

Trong Kinh có ghi rõ

Phạm Thiên thượng giới một tòa,

Xương vai bên tả cùng là Tam y.

Bộ Tam y của Ngài thờ ở chỗ đó. Bộ Hoàng phục mà Ngài đi xuất gia, Đế Thích đem về thờ bên kia.

Trong buổi chia Xá lợi đó, chuyện này dài tôi chỉ kể tóm tắt. Ông Bà-la-môn Dona thấy binh lực của tám quốc gia kéo tới là ông lạnh xương sống. Ông thấy cờ xí rợp trời, bụi bay mù mịt, grom giáo sáng lòa. Ông thấy thế nào cũng máu chảy thành sông. Ông xin vua đóng cửa thành lại và lên thông báo, “Tôi xin các ông, khi Đức Thế Tôn còn sống, Ngài chủ trương từ bi hỷ xả, thương nhau không hết. Hôm nay mới vừa Trà tỳ, hỏa táng xong, vì Di cốt của Đấng Cha lành ba cõi mà anh em một nhà binh đao, máu lửa can qua, chiến chinh kiêu này. Chúng ta thờ kiêu gì lạ vậy? Rước Xá lợi về thờ theo Đạo từ bi mà bây giờ anh em tương tàn, đâm chém nhau, máu chảy thành sông. Tôi thấy kỳ quá.”

Cho nên người ta mới đồng ý để ông chia. Khi gom hết Xá lợi để vào một cái bình bằng vàng - tiếng Pali là suvaṇṇa - chữ này chữ quan trọng.

Ông chia đều ra, xứ kia phần này, xứ kia phần kia, xứ đến trễ chỉ được lãnh phần tro về thôi. Trong lúc mọi người than khóc, người ta lơ là, ông mới nhanh tay nhặt nhanh một chiếc răng giấu trong búi tóc. Ông không biết có một cặp mắt thần đang theo dõi, cặp mắt còn hơn cả camera, đó chính là Đức Đế Trời Đế Thích. Đức Đế Thích nhìn thấy ông này giấu cái răng trong búi tóc, cho nên Đức Đế Thích nghĩ rằng ông này không có khả năng tôn thờ phân Xá lợi này. ... (Tiếng Pali) - ông không khả năng thờ cúng một cách đúng mức. Cho nên Đế Thích dùng thần thông lấy lại và đem về lập tháp Culamani trên cõi Đạo lợi.

Nói về vua A-xà-thế. Trong chú giải nói rằng: ... (tiếng Pali) - trong đám phạm phu, không có ai thương Phật bằng ông A-xà-thế. Khi hung tin từ Kushinara bay về Rājagaha là Thế Tôn đã viên tịch, vua A-xà-thế chết giấc, ... (tiếng Pali). Triệu thần rửa mặt cho ông, khi tỉnh lại, ông hỏi sứ giả: “Người mới nói gì?”. “Thế Tôn đã viên tịch.” Ông ngất xỉu lần nữa. Sau ba lần ngất xỉu, ông cử binh tới rước Xá lợi về. Từ đó mới có chuyện chia Xá lợi, nếu không là máu lửa binh đao.

Khi chia xong, phần Xá lợi chia đều cho các xứ. Phần chia cho vua A-xà-thế, đem về dọc đường dân chúng đổ ra đường, càng lúc càng đông, họ khóc, xin được chiêm bái. Kiểu này thì khi nào mới về được tới Rājagaha. Nên Chư Tăng, các vị Thánh A-la-hán nghĩ rằng kéo dài thời gian như vậy, phước thì có phước nhưng xảy ra chuyện, còn gây thêm tội lỗi, bây giờ phải rút ngắn thời gian. Ngài Maha Kassapa nói với Vua Đế Thích, và Vua nói rằng “để cho con lo”. Vua Đế Thích mới dùng thần thông tạo những hình ảnh, âm thanh kinh hoàng giống như Ác ma xuống phá. Dân chúng sợ nên không kéo bu ra nữa. Nhờ vậy đoàn rước mới thẳng đường về tới Rājagaha. Theo lời đề nghị của Vua, Ngài Maha Kassapa đích thân tôn trí Xá lợi vào Đại Bảo Tháp. Ngài biết rõ sau này có Vua A Dục ra đời và trải qua hai trăm năm đền tháp nào cũng hư hao, sụp đổ và Ngài biết vua A dục từ một bạo chúa sẽ trở thành một vị minh quân, một vị Vua Phật tử. Vua sẽ hộ trì Phật pháp và sẽ chia đều Xá lợi ra để tôn thờ trong nhiều bảo tháp khắp các xứ từ Ấn độ ra tới bên ngoài, Ngài biết. Vậy nên Ngài chú nguyện.

Ngài chú nguyện hai lần. Lần thứ nhất, khi lựa chỗ để lập tháp, Ngài chú nguyện “Xin cho ở đây thủy hỏa bất xâm”. Ngài đọc thế này “ ... (Tiếng Pali) xin cho đừng có một viên đá, một viên sỏi nào ở đây bị mất, bụi đừng lọt vào bên trong tháp và nước đừng tràn vào làm hư sụp”. Lần thứ hai, khi Ngài đặt bảo tháp vào Ngài có đọc chú nguyện thêm một điều nữa: “... (tiếng Pali) tràng hoa đặt vào trong đây đừng có héo, mùi thơm nào, bột trầm nào rắc vào đây cũng đừng có bay mùi, đèn đừng có tắt.” Lời chú nguyện đó Ngài cho khắc vào một miếng vàng cán mỏng để làm tín vật cho hậu thế.

Về sau này, vua A dục sẽ làm chuyện chia đều, tán rộng nhiều phần nhỏ chia ra thành nhiều tháp. Vua A dục từ một bạo chúa, qua cuộc đại chiến tàn sát, diệt chủng ở thành Kalinga, ông trở thành một Phật tử. Vua trở về và được một vị Sa di tên là Nigrodha, giúp cho vua làm chuyện đánh lễ các bảo tháp.

Các vị có thể xem thêm - tựa sách tôi không nhớ, của Thượng tọa Minh Huệ, Thượng tọa Nguyệt Thiên vị này dịch giả hầu hết Kinh Tạng Việt ngữ ở Tích Lan. Đại khái sách có nội dung là Lịch sử Phật Giáo Tích Lan trong đó có phần nói về Xá Lợi rất kỹ, hình như là cuốn Đại vương tán sử, còn hai ba cuốn nữa chứ không phải một vì hai vị dịch.

Khi Vua A dục trở thành Phật tử và được vị kia hướng dẫn để đánh lễ các tháp, vị kia giải thích: “Đây là tháp của Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên. Hai vị là cánh tay phải của Đức Thế Tôn, giúp Đức Thế Tôn rất nhiều trong việc hoằng pháp.” Vua cúng dường lớn lắm. “Đây là bảo tháp của Ngài Maha Kassapa, đặc biệt Tam tạng, không có Ngài là hôm nay không có gì hết. Đây là bảo tháp của Ngài Ananda, thi giả, Đệ nhất Thịnh văn, vị này coi như là cùng cố Chánh pháp. Đây là bảo tháp của Ngài ... v.v.” Đặc biệt đến một bảo tháp, vị này nói là “Đây là bảo tháp của một vị A-la-hán, đặc xong rồi, ở một mình, không thuyết Pháp, không độ ai hết.” Vậy là vua A dục cúng có một đồng bạc, vua nói: “Đặc rồi sao không thương chúng sanh?” Trong khi các vị kia, vua cúng trăm ngàn, trăm ngàn... Riêng vị A-la-hán này, tháp đã nhỏ rồi mà lại không có đóng góp gì đặc biệt trong việc hoằng pháp nên vua cúng có một đồng thôi.

Giống như hôm nay, dịp lễ các Sư về đông, nhưng nghe nói vị nào trụ trì mình cúng dường nhiều vì nghĩ vị này dựng Đạo tràng, nuôi Tăng, độ Chúng. Còn mấy vị không có chùa lại nghĩ bất tài, vô đức, vô năng.

Đến chỗ tháp thờ Xá lợi do vua A-xà-thế xây cất, vua được nghe kể rất rõ là chỗ này Ngài Ca Diếp báo trước sẽ có vị vua A-dục. Bảy giờ tháp bị sụp, bị hư cần chỉnh đốn lại. Lúc mở tháp, các vị vua bàng hoàng vì đèn vẫn cháy và tràng hoa trong đó trải qua hơn hai trăm năm mà vẫn còn tươi mới nguyên y như mới vừa được đặt vào sáng nay. Ghê như vậy.

Sử thi Phật Giáo Việt Nam có ghi:

Hai trăm mười tám năm dư,  
Nhờ vua A-dục tâm từ sùng hưng  
Tám phần Xá lợi quân phân  
Tám mươi bốn ngàn tạo tân tháp thờ  
Ngàn năm muôn kiếp một giờ  
Trước đèn Xá lợi ước mơ phi nguyên

Vua mở ra vua sáng hèn, hơn hai thế kỷ mà đèn không tắt. Trường minh đăng không tắt, mà trường minh đăng phải dùng dầu cá, đặt trong hàm sâu trong một điều kiện cực kỳ tinh vi. Còn đây thì không, chỉ là tháp gạch thường, ở ngoài phủ đá. Vậy mà trong còn mới nguyên, không có bụi, hoa không héo, đèn không tắt. Vua mới chết điếng và tin Phật có thật. Vua phát Đại Bồ đề tâm trùng tu các tháp và truyền bá Giáo lý Phật Đà ra khắp muôn nơi.

Chúng ta đã học xong Kinh Đại Bát Niết Bàn. Minh giành thời gian ôn lại một chút về Kinh Đại Bát Niết Bàn.

Nội dung Kinh này kể lại mười tháng sau cùng trong cuộc đời của Đức Phật. Ngài đã đi qua bao nhiêu làng mạc và tìm đủ mọi cơ hội để xác định lại tinh hoa cốt lõi của Giáo lý.

Suốt mười tháng đó, Ngài đã làm trọn vẹn những chuyện cần làm. Từng lời dặn dò cá nhân; chuyện của Ngài Channa; chuyện Chư Tăng xưng hô với nhau; chuyện Chư Tỷ kheo đối với nữ giới; chuyện Ngài giảng một loạt các Pháp Bất thối...

Ngài tìm nhiều dịp để xác định một tôn chỉ: “Này các Tỷ kheo. Giới cùng tu với Định, đem lại lợi ích lớn, quả báu lớn. Định cùng tu với Tuệ, đem lại lợi ích lớn, quả báu lớn.”

Nhiều lần và nhiều lần Ngài kêu gọi hàng xuất gia đặc biệt tu tập ba mươi bảy Phẩm trợ đạo - ba mươi bảy Pháp bồ đề đó. Thất giác chi; Bát chánh đạo; Ngũ căn; Ngũ lực; Tứ niệm xứ.

Những làng mạc Ngài đi qua, Ngài đã để lại vô số lợi lạc bằng những Pháp thoại, những Pháp thoại sau cuối. Trong chú giải có ghi rõ một câu rất là xúc động: “Thế Tôn đã trải qua bốn mươi lăm năm trụ thế, hoàng dương, độ chúng. Và Ngài đã kết thúc toàn bộ tinh hoa Phật Pháp bằng một chữ. Đó là chữ ...(tiếng Pali) trong câu...(tiếng Pali) - Vạn hữu là vô thường, hãy tinh tấn, chuyên cần (không nên dễ ngại)

Tôi thích chữ “dễ ngại”, không thích chữ “dễ duôi” vì nhiều người ngoài đời không có hiểu. Chẳng hạn ngoài đời nói chữ “bùn xin”, nhiều người họ hiểu; nhưng nói “bỏn xén” nhiều người chịu không nổi.

Và ở bên Thụy sỹ có một cô Phật tử, cũng thuộc một thành phần quá khích cực đoan. Cô nói “con lật cuốn Kinh ra, con thấy chữ “tật đó” là con úp sách lại và ngàn năm muôn kiếp không đụng tới nữa. Con lật ra con thấy chữ “ganh ty” thì con đọc, con thấy chữ “tật đó” là con không đọc.” Có cái chữ cũng bị ghét nữa. Cô ấy nói “Không, hễ người viết, dịch sách dùng chữ “tật đó” nghĩa là họ thích xài chữ lạ. Mà xài chữ lạ là con không hiểu. “Tật đó” con hiểu rồi, nhưng xài chữ “ganh ty” con thấy ok hơn, người này xài ngôn ngữ bình dân dễ hiểu. Còn người nào sử dụng chữ “tật đó” là con không đọc nữa vì con biết người này thích xài chữ lạ.”

Chữ “dễ duôi”, “dễ ngại” cũng vậy. Do không học Đạo nên nhiều người không biết chữ “dễ duôi” nói cái gì.

... (trở lại lời chú giải): cho nên các hành, vạn hữu ở đời là vô thường, là mong manh, là sương khói. Hãy tinh tấn, chớ dễ ngại.

Dễ ngại ở đây có nghĩa là:

- Không có xem điều ác nào là nhỏ để rồi làm;

- Không xem điều thiện nào là nhỏ rồi không thêm làm;
- Không có xem một chút dấu vết tái sanh nào là không đáng sợ. Nghĩa là dù có sanh về cõi Trời, cõi Phạm Thiên nào đi nữa, hễ còn tái sanh là còn nằm trong ba khổ.

Chỉ có Tu Tứ Niệm Xứ mới đúng với chữ “không dễ người”. Tại sao? Nghĩa là nhất nhất mọi hoạt động, mọi tâm trạng, mọi cảm thức, mọi cảm xúc buồn vui được hành giả ghi nhận, không bỏ qua. Bởi vì có một điều rất quan trọng: con đường vào rừng cũng chính là con đường ra khỏi rừng. Sáu căn biết sáu trần theo cách thất niệm là đường vào Duyên khởi; sáu căn biết sáu trần bằng Chánh niệm là đường ra khỏi vòng Duyên khởi, luân hồi.

Cho nên Tứ Niệm Xứ là một nếp sống không dễ người có nghĩa là học Đạo nhiều, Kinh này Kinh kia nhưng không sống Chánh niệm là không được. Chỉ ngồi suy tư Pháp này hay, Pháp kia hay - ... (tiếng Pali) người chuộng trầm tư. Người thích tụng đọc không thích Chánh niệm, Ngài gọi là ... (tiếng Pali).

Chỉ có người sống theo Tứ niệm xứ trong từng phút khi sáu căn biết sáu trần bằng Chánh niệm mới được gọi là kẻ sống Đạo - người hành trì Giáo Pháp.

Nội dung của Kinh Đại Niết Bàn kể lại mười tháng sau cùng trong cuộc đời của Đức Phật, những chuyện Ngài đã làm, đã sống, đã trải qua. Từ chuyện Ngài nhận lời Ác ma để Ngài viên tịch; Ngài giáo giới Chư Tăng những lời sau cùng; chuyện chia Xá lợi ra làm sao. Nếu là một người không có điều kiện đọc Kinh điển rộng rãi, chỉ đọc kỹ bài Đại Bát Niết Bàn cũng có thể gọi là nắm được cái tinh hoa của Phật pháp.

Bây giờ, chúng ta học Đại Thiện Kiến. Vì Kinh này là một mảnh vụn của Kinh Đại Bát Niết Bàn vừa học xong.

Chúng ta cũng nhớ rằng trong ... (tiếng Pali) có ba nguyên nhân Đức Thế Tôn chọn Kushinara để viên tịch:

1. Có cơ hội để Ngài kể về tích Chuyển Luân Vương Mahasudassana.
2. Có cơ hội để Ngài gặp mặt vị đệ tử cuối cùng là Ngài Subhadda.
3. Ở đây có ông Bà-la-môn Dona khéo dàn xếp sự giả trong việc phân chia Xá lợi.

Tôi kể một duyên sự ngắn trong kinh này (hôm nọ kể rồi, hôm nay kể nữa).

Vào đời Giáo pháp Đức Phật Ca Diếp, có một ông tiểu phu kiếm củi sống. Hôm đó ông gặp một vị Tỳ kheo ẩn lâm đầu đà trong rừng. Nghĩa là ông cất một cái am trong rừng, mỗi ngày ra làng đi bát và trở về am ở ẩn, không tiếp xúc với ai. Ông thấy vị Tỳ kheo này ông thương quá, mái nhà dột, cột thì xiêu, mưa gió không biết sống làm sao. Ông tiểu phu liền làm một cái cột mới cho vị Tỳ kheo, chắc chắn, ở được lâu năm không sợ mưa gió, rấn rít, cộp beo. Ông ghé thăm bữa thì ông múc cho lu nước, bữa ông quét dọn... Rồi ông đào thêm một cái hồ nhỏ; làm một con đường để vị Tỳ kheo đi kinh hành, đi buổi tối cho yên lành, an toàn; làm một cái cầu xuống hồ để vị Tỳ kheo lấy nước dùng không phải ra suối ra sông xa xôi nguy hiểm; trồng bông cho đẹp. Ông chăm sóc cái cột như là của Cha mình. Ông tiểu phu chính là Vị Bồ Tát Thích Ca của mình; đối tượng vị này làm lại là một vị A-la-hán. Cái thiện tâm này kéo dài trong suốt một thời gian dài. Cho nên công đức chẳng thể nghĩ bàn. Do nghiệp báo, tâm lành hoặc tâm ác khi trở là trở gấp triệu lần.

Sẵn đây, tôi nói cho bà con nghe để mà run.

Các vị có nhớ ... không? ... chỉ nói một câu “cái con điếm này ở chỗ Bảo tháp mà khạc nhổ được.” Bà ấy chỉ là một Tỳ kheo ni, bà mắng một Tỳ kheo ni khác nhưng bà tưởng lầm chứ không có. Vị đó là một vị A-la-hán ni, vị Thánh ni ai mà làm như vậy. Bà nghe tiếng khạc rồi thấy bãi đấm nên Bà tưởng vị kia làm - Cả hai đều đi lễ tháp Xá lợi. Xui cho bà, thứ nhất là bà mắng oan; thứ hai là bà mắng nhầm một vị A-la-hán, Thánh ni. Cho nên khi chết bà bị đọa rồi trở lên đời đời kiếp kiếp không biết bao nhiêu, cứ liên tục làm gái điếm, kỹ nữ. Đến đời Phật Thích Ca Mâu Ni, bà tiếp tục làm kỹ nữ lần cuối. Sau đó về già xuất gia và được chứng quả A-la-hán. Chỉ một câu nói thôi.

Vị tiểu phu này cũng vậy, trong suốt mấy năm chăm sóc vị A-la-hán. Đến lúc quả trở, ông chết về Trời, sau đó trở xuống Kinh thành Kushinara (Sankrit gọi là Kushinagara) làm một vị Chuyển Luân Vương. Lúc đó vùng đất này có tên là Kusàvati và toàn bộ những mô tả về thành phố này sau đó được sử dụng lại để mô tả cảnh giới Tây phương cực lạc của Phật giáo Bắc truyền. Chúng ta biết rằng trong vòng Luân hồi có nhiều kiếp. Mỗi người sanh tới vô số kiếp, vô số nơi, vô số hình hài,

vô số thân phận. Nhưng riêng tại Kushinara trong kiếp Trái đất này, trong hiện kiếp này, Đức Thế Tôn khi còn Bồ Tát đã trở lui tất cả sáu lần, và lần này Ngài thành Phật. Ngài viên tịch như vậy là lần thứ bảy, Ngài đã bỏ xác tại đây.

Bài Kinh Thiện Kiến sâu là sâu chỗ đó. 1:04:00

[24/11/2022 - 07:13 - ngoc\_ngopham]

Kể xong, Ngài cho mình thấy một chuyện. Dòng luân hồi là một cuộc đi đi về về, làm phước, làm tội. Như có một lần Ngài đi bát, có một ông Bà-la-môn đi cày. Thấy Ngài, Ông nói: “Ngài khỏe mạnh vậy mà ngày nào cũng đi bát, không chịu làm gì để sống.” Ngài nói: “Không, Ta không phải ngày nào cũng đi bát, kiếp này Ta đi lần cuối cùng. Cái “hoài” là người không phải là Ta. Nếu kiếp này người không tu tập, không giác ngộ, giải thoát sanh tử thì không phải kiếp này người cày ruộng mà vô số kiếp nữa người vẫn cày ruộng. Người mới đáng chữ “hoài”, chữ “mãi”; còn Như Lai thì không, kiếp này là kiếp chót rồi.” Nói xong Ngài đọc một bài kệ:

Đời đời kiếp kiếp, người thì về lạc cảnh,

Đời đời kiếp kiếp, người ác phải sa đọa cảnh khổ,

Đời đời kiếp kiếp, kẻ phạm phu phải đi vào ra các cảnh giới tái sinh.

Ông Bà-la-môn nghe như vậy, ông phát tâm tâm ông xuất gia, chứng quả A-la-hán.

Tôi rất thích bài kệ này. Nó được lặp lại tới lui mười bốn lần chữ ... (tiếng Pali).

Ở đây mình thấy bài Kinh Đại Thiện Kiến này dài nhưng có thể đúc kết trong vòng mấy phút.

Trước hết cái duyên khởi vì đâu ông vua Mahasudassana lại có cái phước lớn như vậy? Điểm đặc biệt của vua này là cư trần bất nhiễm - sống trong nhung lụa bậc nhất mà lại chứng Thiên định. Mình đọc thoáng qua không thấy gì nhưng nhìn kỹ mới thấy hết hồn. Luân hồi là một cuộc chơi, thừa quý vị. Đứng ra tôi để Kinh này giảng kỳ sau nhưng có hai lý do tôi giảng lần này. Thứ nhất, Kinh này có thể giảng ngắn; thứ hai, Kinh này có nội dung quá quan trọng.

Tôi nhắc lại một lần nữa. Con giới do tiền nghiệp nó có mặt trên một đồng phân người, trên một cái xác thối rữa và nó thấy đó là cả một cái mâm cỗ, một bữa đại tiệc, đại yến. Nó thấy đồng rác là cả một thế giới, cả một vũ trụ, cả một bầu trời thơ mộng và trù phú thịnh vượng. Đối với con nai, con thỏ trong rừng sâu lại khác; với con chuột, con rắn trong khe trong rãnh lại khác.

Chúng ta là một người nhà quê không biết chữ sống trong đầm sâu, nước đục, từ trẻ từ già chỉ biết mò cua bắt ốc, vùi đầu trong sinh, trong rom rạ - thế giới chúng ta lại khác. Chúng ta là người ở phố, có tiền, ta ăn học có chút ít chữ nghĩa, có điều kiện đi lại thăm thú nơi này nơi khác - thế giới đối với chúng ta khác.

Một vị Trời Dục thiên có khả năng bay nhảy, đi mây về gió, xuyên qua cách hành tinh, các thiên thể rực rỡ, chói lòa, nhấp nháy - thế giới đối với họ lại khác, họ còn đam mê trong sắc, thân, kiến, vị, xúc. Đối với một vị Phạm thiên lia bỏ năm dục, lia bỏ năm triền, có được đời sống thanh tịnh, thuần bạch, an lạc với Thiên định - thế giới đối với họ lại khác. Đối với một Phạm thiên vô sắc không còn một dấu hiệu bất chánh nào hết, chỉ còn bốn danh uẩn là đời sống thuần tâm lý - thế giới đối với họ lại là một kiểu khác.

Và dù cho cảnh giới nào đi nữa, hễ còn có sinh là còn có tử; có mặt rồi mất đi. Vì sao? Vì mọi sự có mặt đều do duyên mà có - duyên tụ, duyên tan; duyên đến, duyên đi. Hễ có duyên tạo ra, phải có duyên lấy mất đi mọi thứ đã có mặt.

Vậy bài Kinh này nói gì? Bài Kinh này nói rằng: một con người dù có tạo công đức gì đi nữa; quả báu có ghê gớm mấy đi nữa; làm Chuyển Luân Vương có hàng ngàn lâu đài, hàng ngàn mỹ nữ giai nhân hầu hạ - cuối cùng khi đi cũng phải tay để lại hết...

Quý vị xem bài Kinh Ratthapāla trong Trung bộ, đọc rất là sâu. “Bỏ hết để mà đi...”

Rồi người đó làm Chuyển Luân Vương xong, tiếp tục một kiếp khác trở thành một vị Chánh Đẳng Chánh Giác có ba mươi hai hảo tướng, tám mươi tướng phụ, thành tựu tất cả Lục thông, Tam minh và Tứ tuệ phân tích, thành tựu sáu Như Lai biệt trí, thành tựu mười tám Chánh Đẳng Giác biệt pháp, thành tựu tất cả những cái mà hàng Độc Giác và Thinh Văn không thể nào có được. Vậy rồi thì sao? Sau khi trụ thế bốn mươi lăm năm rồi cũng phải trở về một góc rừng, nằm đó và xuôi tay đi mất.

Mình đọc kỹ rất là thấm.

Làm bao nhiêu phước lành rồi cuối cùng cũng chỉ tới đó thôi. Bây giờ, thành Chuyên Luân Vương cũng bỏ đó mà đi. Thành Phật rồi, xong bản hoài của mình rồi cũng bỏ đó mà đi.

Cho nên Kinh Chuyên Luân Thánh Vương này nhấn mạnh một điều, công đức phải làm, từ đó tự nhiên quả lành phải có. Nhưng rất ráo tránh ác làm thiện chỉ là con đường xoay lưng với sinh tử hay tiếp tục sinh tử. Đường ra rừng hay vào rừng luôn là một lối. Vạn hữu do duyên mà có, có rồi đều phải mất đi.

Còn thích thì còn khổ vì mọi ham thích đều là trong khổ. Thích cái khổ thì tiếp tục khổ; chán được khổ, thì không thích khổ nữa mới mong hết khổ. Đó là nội dung Tứ Diệu Đế. Tức là mọi hiện hữu đều là khổ đế. Vì sao? Vì nó nằm trong ba khổ. Tất cả những đam mê của mình đều là đam mê trong ba khổ hết. Quý vị thích ăn ngon mặc đẹp, nhà cao cửa rộng, quyền lực, tiếng tăm, thích thần thông, trí tuệ - tất cả cái quý vị thích đều là trong khổ đế và bản thân cái thích là tập đế - tập đế là niềm đam mê trong khổ đế. Suốt trong dòng sinh tử luân hồi, ta chỉ sống với hai đế này thôi. Có nghĩa là mọi hiện hữu là khổ và mình cứ thích hiện hữu - thích hoa lá, thích trăng sao, thích ong bướm, thích ngon, thích mát, thích thơm, thích mịn... tất cả những cái thích đó đều trong ba khổ hết. Niềm đam mê nào cũng là niềm đam mê trong khổ đế - và tập đế chính là niềm đam mê trong khổ đế.

Một ngày nào đó mình muốn hết khổ, chỉ có một cách là đừng có tiếp tục thích trong khổ nữa.

Con đường nào giúp mình không thích trong khổ? Đó là Bát Chánh Đạo. Bản thân sự hết thích, sự vắng mặt của thích chính là Diệt Đế.

Tôi nhắc lại.

Mọi hiện hữu là Khổ vì chúng nằm ở trong ba Khổ. Tập đế là niềm đam mê trong Khổ. Chính vì có niềm đam mê trong Khổ nên chúng ta mới tiếp tục Khổ. Diệt đế chính là sự vắng mặt của Tập đế. Đạo đế chính là con đường dẫn đến sự vắng mặt đó.

Đó là nội dung rót ráo của Kinh Đại Bát Niết Bàn và Kinh Đại Thiệu Kiến.

Ngày mai chúng ta học Kinh Hậu thân của vua Bình Sa Vương. Cho biết trước nội dung: sau khi bị con giết Vua Bình Sa Vương đã sanh về cõi Tứ thiên vương làm Dạ xoa Canavasatha.

Chưa hết, cũng trong Trường Bộ, bài Kinh Atanatiya có nhắc đến một đề nghị của Tứ Đại Thiên Vương là khi nào hàng Tứ chúng tu hành chỗ vắng vẻ mà bị ma quỷ quấy rối, xin đọc một bài Kinh ngắn có nội dung là réo tên các vị Trời và Dạ xoa hộ pháp trong đó có Dạ xoa Canavasatha. Đề nghị của Tứ Đại Thiên Vương đã được Thế Tôn chấp nhận. Kể từ đó, bài Kinh Atanatiya được gọi là bài Hộ Kinh và có thể nói nội dung tương đương với Surangama Sutra nghĩa là Thủ Lăng Nghiêm của Bắc Truyền. Bên kia có câu Thần này Thần kia, bên đây chỉ có Tam bảo, nhắc đến bảy Đức Phật quá khứ và các vị Long Thần Hộ pháp, Thiên long bát bộ (Thiên long bát bộ của bên Phật chứ không phải của Đoàn Dự Kim Dung)

Chúc các vị một ngày vui.

---

**XIN LƯU Ý:**  
**ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP**  
**CHƯA ĐƯỢC SỰ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.**  
**QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM**  
**TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.**  
**XIN TRÁNH IN ẮN PHỔ BIẾN.**

---